

Số: 152 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2026

V/v: báo cáo một số nội dung bất cập, vướng
mắc lớn về Thuế và kiến nghị giải pháp tháo gỡ
cho DN chế biến, xuất khẩu thủy sản

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đồng kính gửi: Cục Thuế;

Cục Hải quan.

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) và cộng đồng doanh nghiệp (DN) thủy sản trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan trong thời gian qua đối với việc kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản nói riêng.

Hiệp hội đánh giá cao tinh thần vào cuộc của Cục Thuế tại Hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh công tác hoàn thuế GTGT do Cục Thuế tổ chức ngày **11/9/2026** và hội nghị “Lắng nghe và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác hoàn thuế GTGT” ngày **24/9/2026** - Lãnh đạo Cục Thuế đã trực tiếp lắng nghe, trao đổi và chỉ đạo rà soát, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện việc hoàn thuế GTGT theo hướng tăng cường quản lý rủi ro, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp tuân thủ.

Trong tinh thần đó, Cục Thuế đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với những vấn đề doanh nghiệp đặc biệt quan tâm, gồm: (i) Công văn số **6810/CT-QLNT** ngày 14/9/2026 về hướng dẫn xác định tỷ giá trên hóa đơn đối với các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ; và (ii) công văn số **6936/CT-QLTT** ngày 18/9/2026 về việc thực hiện thống nhất xử lý hồ sơ hoàn thuế GTGT theo nguyên tắc quản lý rủi ro, là những giải pháp quan trọng nhằm làm rõ cách thức thực hiện chính sách, tăng tính thống nhất trong áp dụng giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp.

Tại Buổi làm việc sáng **25/9/2026** của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc với một số Hiệp hội, doanh nghiệp xuất khẩu tiêu biểu ngành hàng nông, lâm, thủy sản, Hiệp hội VASEP đã có một số báo cáo & kiến nghị ban đầu v/v đề nghị thống nhất giữa các CQ thuế địa phương trên toàn quốc về mức thuế GTGT đối với các SP thủy sản và mức thuế TNDN đối với hoạt động chế biến thủy sản – đại diện Lãnh đạo Bộ Tài chính, Thứ trưởng Nguyễn Đức Chi đã có các trao đổi, chỉ đạo thể hiện sự đồng hành cùng DN, nhất là trong việc hoàn thiện chính sách thuế, thống nhất thực thi của các cơ quan thuế địa phương, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của môi trường kinh doanh.

Trên tinh thần tiếp tục phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, VASEP tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc còn phát sinh trong thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện chính

sách, thực thi, bảo đảm tính ổn định, minh bạch và khả năng dự báo của môi trường kinh doanh. Cụ thể như sau:

I. HOÀN THUẾ GTGT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THEO CHUỖI

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản có số thuế GTGT đầu vào lớn và thường xuyên phát sinh hoàn thuế. Trước khi có công văn số 6936/CT-QLTT (ngày 18/9/2026 của Cục Thuế), nhiều DN phản ánh hồ sơ bị kéo dài khi hệ thống cảnh báo rủi ro ở một số hóa đơn hoặc ở nhà cung cấp F2, F3; có trường hợp phân giao dịch không có dấu hiệu rủi ro cũng phải chờ xác minh cùng toàn bộ hồ sơ.

Công văn số 6936/CT-QLTT kể trên đã làm rõ hướng xử lý quan trọng: cảnh báo rủi ro là căn cứ để phân loại, xác minh chứ không tự động đồng nghĩa giao dịch không có thật; nếu chỉ một phần số tiền đề nghị hoàn có rủi ro thì cần khoanh đúng phần đó để kiểm tra, phần còn lại đủ điều kiện tiếp tục được giải quyết. Vấn đề quan ngại trọng tâm hiện nay là bảo đảm nguyên tắc này được thực hiện thống nhất tại các địa phương và xử lý dứt điểm hồ sơ tồn đọng.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Hiệp hội xin kiến nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế tiếp tục hỗ trợ & chỉ đạo:

- Chỉ đạo cơ quan Thuế các địa phương rà soát hồ sơ hoàn thuế xuất khẩu tồn đọng và áp dụng thống nhất công văn số **6936/CT-QLTT**; chỉ khoanh phần hóa đơn, giao dịch, số tiền có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra trước hoàn.
- Không sử dụng riêng cảnh báo F2, F3 hoặc việc nhà cung cấp thay đổi trạng thái sau giao dịch làm căn cứ tự động bác hoàn/thu hồi; phải đánh giá chứng cứ về giao dịch thực tế, giao nhận, thanh toán và hồ sơ của doanh nghiệp mua hàng.
- Công khai rõ cho doanh nghiệp nội dung cần giải trình, số tiền đang được xác minh, thời hạn xử lý; phần còn lại đủ điều kiện phải được giải quyết mà không chờ phần có rủi ro.
- Gắn cơ chế doanh nghiệp tuân thủ tốt với quyền lợi đo lường được về thời gian hoàn thuế, số vòng giải trình và phạm vi kiểm tra.
- Rà soát và hướng dẫn thống nhất quyền hoàn thuế đối với hàng hóa/nguyên liệu nhập khẩu theo loại hình A11/A12 sau đó thực tế được đưa vào sản xuất và xuất khẩu theo B11; việc giải quyết hoàn thuế cần bám bản chất hàng hóa đã được sử dụng cho **hoạt động xuất khẩu** và đầy đủ hồ sơ chứng minh, tránh chỉ căn cứ khác biệt mã loại hình để loại quyền hoàn thuế.

II. RÀ SOÁT, THỐNG NHẤT HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THỦY SẢN

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Doanh nghiệp phản ánh cùng một sản phẩm thủy sản như tôm, cá, mực, nghêu đông lạnh nhưng đang được cơ quan thuế tại các địa phương hướng dẫn và áp dụng chính sách thuế GTGT khác nhau, tùy theo nguồn hàng tự nuôi hoặc mua ngoài, mức độ sơ chế hoặc chế

biển, chủ thể bán và khâu lưu thông. Có nơi xác định thuộc đối tượng không chịu thuế; có nơi áp dụng trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế; có nơi hướng dẫn lập hóa đơn theo thuế suất 8% hoặc 10%.

Thực tế phát sinh trường hợp cơ quan thuế quản lý bên bán chấp nhận hóa đơn có thuế và bên bán đã kê khai, nộp thuế, nhưng cơ quan thuế quản lý bên mua lại xác định hàng hóa thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế, từ đó không chấp nhận khấu trừ hoặc hoàn thuế đầu vào. Doanh nghiệp đã thanh toán đầy đủ tiền hàng và tiền thuế cho bên bán nhưng số thuế đầu vào vẫn bị treo, bị loại khỏi hồ sơ hoàn hoặc bị yêu cầu thu hồi số thuế đã hoàn.

Cách áp dụng không thống nhất làm phát sinh tranh chấp giữa bên mua, bên bán và cơ quan thuế; doanh nghiệp không thể xác định chắc chắn chính sách thuế trước khi ký hợp đồng và lập hóa đơn. Trong khi biên lợi nhuận của nhiều đơn hàng thủy sản chỉ khoảng 3%–5%, nếu doanh nghiệp phải tự gánh thêm khoản thuế GTGT 8% hoặc 10% không được khấu trừ, hoàn thuế thì giao dịch có thể không còn hiệu quả; doanh nghiệp phải dừng mua nguyên liệu, thiếu hàng giao, hủy đơn hàng hoặc mất khách hàng.

2. Đề xuất kiến nghị:

Hiệp hội VASEP xin kiến nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét:

- Ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất trên toàn quốc đối với chính sách thuế GTGT của sản phẩm thủy sản; làm rõ cách xử lý theo chủ thể bán, nguồn hàng tự nuôi hoặc mua ngoài, mức độ sơ chế hoặc chế biến, khâu lưu thông và đối tượng mua.
- Xây dựng phụ lục hoặc bảng hướng dẫn tra cứu theo nhóm sản phẩm và quy trình sản xuất; có ví dụ cụ thể đối với tôm, cá, mực, nghêu ở dạng tươi sống, đông lạnh, hấp, luộc và các công đoạn sơ chế phổ biến. Hướng dẫn cần xác định rõ từng trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế, không phải kê khai, tính nộp thuế hoặc áp dụng thuế suất tương ứng để doanh nghiệp, bên mua, bên bán và cơ quan thuế địa phương có cùng căn cứ lập hóa đơn, kê khai, khấu trừ và hoàn thuế.

3. Cơ sở đề xuất:

- Ngành thủy sản có chuỗi sản xuất đặc thù, với nhiều công đoạn và nhiều chủ thể tham gia từ nuôi trồng, thu mua nguyên liệu, sơ chế, chế biến đến xuất khẩu. Vì vậy, việc xác định chính sách thuế GTGT cần được hướng dẫn thống nhất theo bản chất sản phẩm, công đoạn xử lý và đối tượng giao dịch, tránh cách hiểu khác nhau giữa các địa phương.
- Việc áp dụng không thống nhất chính sách thuế GTGT đối với cùng một loại sản phẩm thủy sản có thể làm phát sinh rủi ro về hóa đơn, khấu trừ và hoàn thuế đối với doanh nghiệp, trong khi doanh nghiệp không thể kiểm soát cách hiểu của từng cơ quan thuế địa phương. Điều này ảnh hưởng đến dòng tiền, chi phí sản xuất và tính ổn định của chuỗi cung ứng nguyên liệu.
- Do đó, cần có hướng dẫn thống nhất trên toàn quốc, kèm tiêu chí và ví dụ cụ thể theo nhóm sản phẩm, công đoạn sản xuất, nhằm bảo đảm doanh nghiệp, bên bán, bên mua và cơ quan thuế có cùng căn cứ thực hiện; đồng thời nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của chính sách thuế.

III. THỐNG NHẤT XÁC ĐỊNH “SƠ CHẾ THỦY SẢN” & “CHẾ BIẾN THỦY SẢN” VÀ CÁCH ÁP DỤNG THUẾ GTGT, THUẾ TNDN

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Đây là điểm nghẽn lớn có tính nền tảng đối với ngành hàng. Cùng một quy trình sản xuất thủy sản gồm làm sạch, bỏ đầu, lấy ruột, bóc vỏ, cắt, fillet, cấp đông, mạ băng, đóng gói có thể được xem là “sơ chế thông thường” khi áp dụng thuế GTGT, nhưng lại được xác định là “chế biến” khi xem xét ngành nghề, hoạt động và ưu đãi thuế TNDN. Trong thực tế, có trường hợp kết luận của sắc thuế này bị **suy rộng** sang sắc thuế khác, làm doanh nghiệp khó xác định trước nghĩa vụ thuế và điều kiện ưu đãi.

Theo Quyết định số **36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025** của Thủ tướng Chính phủ, ngành **1020** được xác định là “Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản”. Nội dung ngành này bao gồm **chế biến và bảo quản** cá, tôm, cua, động vật thân mềm; làm lạnh, sấy khô, hun khói, ướp muối, ngâm trong nước muối, đóng gói; sản xuất sản phẩm cá, tôm; đồng thời nêu cụ thể hoạt động “bỏ đầu cá, lấy ruột, cắt cá thành từng miếng rồi cho đông lạnh”. Mã **10201** tiếp tục xác định riêng “Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh”.

Như vậy, xét theo hệ thống phân ngành kinh tế, nhiều **công đoạn** mà doanh nghiệp thủy sản đang thực hiện, kể cả bỏ đầu, lấy ruột, cắt và đông lạnh, nằm trong phạm vi ngành chế biến, bảo quản thủy sản. Tuy nhiên, Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg là văn bản phân ngành kinh tế, không phải văn bản trực tiếp quy định đối tượng chịu thuế, không chịu thuế hoặc điều kiện ưu đãi thuế. Vì vậy, để thống nhất khi áp dụng GTGT và TNDN, cần Bộ Tài chính/Cục Thuế có hướng dẫn thống nhất để tránh hai cách hiểu đối lập.

Thực tế, hoạt động của một nhà máy chế biến thủy sản (không phân biệt quy mô lớn hay nhỏ) luôn bao gồm hệ thống nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị và lực lượng lao động để thực hiện nhiều công đoạn xử lý nguyên liệu. Trong cùng một dây chuyền sản xuất, doanh nghiệp có thể đồng thời tạo ra nhiều nhóm sản phẩm khác nhau như sản phẩm sơ chế, sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm tinh chế và các sản phẩm phụ phẩm.

Việc phân loại sản phẩm để áp dụng chính sách thuế GTGT có thể khác nhau tùy theo đặc tính, tính chất của từng sản phẩm theo quy định pháp luật thuế. Tuy nhiên, về bản chất kinh tế, các sản phẩm này đều được hình thành từ **một hoạt động sản xuất chế biến thủy sản thống nhất**, bao gồm quá trình xử lý, gia công, bảo quản và biến đổi nguyên liệu thủy sản (như cá, tôm, mực, nhuyễn thể, giáp xác) thành các sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu.

Mặt khác, thuế GTGT và thuế TNDN là hai sắc thuế có mục tiêu quản lý, đối tượng điều chỉnh và phương thức xác định nghĩa vụ thuế khác nhau. Trong đó, việc áp dụng thuế GTGT thường gắn với **đặc tính, tính chất** của hàng hóa, dịch vụ; trong khi việc xác định hoạt động, lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế TNDN gắn với **bản chất hoạt động sản xuất**, ngành nghề, lĩnh vực đầu tư và các chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Do đó, trong các trường hợp có sự giao thoa hoặc dễ gây cách hiểu khác nhau giữa khái niệm “sơ chế” và “chế biến”, cần tham chiếu hệ thống phân loại ngành kinh tế quốc gia được quy định tại **Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**. Đây là căn cứ thống nhất được Nhà nước sử dụng trong công tác quản lý nhà nước, thống kê và các lĩnh vực quản lý có liên quan, trong đó có việc nhận diện bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, để tránh cách suy luận rằng một sản phẩm được xác định là sơ chế hoặc được áp dụng chính sách thuế GTGT theo quy định đối với sản phẩm sơ chế thì toàn bộ hoạt động tạo ra sản phẩm đó mặc nhiên không phải là hoạt động chế biến thủy sản và không thuộc phạm vi hoạt động chế biến, bảo quản thủy sản để xem xét chính sách thuế TNDN.

Cách hiểu này chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất của ngành thủy sản, chưa phản ánh đúng bản chất của hoạt động chế biến theo chuỗi và có thể dẫn đến việc áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan quản lý.

2. Đề xuất kiến nghị:

Hiệp hội VASEP xin kiến nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét:

- Ban hành hướng dẫn thống nhất toàn quốc, tách rõ hai tầng: **(i)** xác định bản chất hoạt động/ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; và **(ii)** xác định chế độ thuế theo tiêu chí riêng của Luật thuế GTGT, Luật thuế TNDN và văn bản hướng dẫn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hướng dẫn thống nhất nguyên tắc: việc phân loại sản phẩm để áp dụng thuế GTGT và việc xác định hoạt động sản xuất, ngành nghề để áp dụng chính sách thuế TNDN là hai nội dung có mục tiêu và tiêu chí khác nhau. Việc sản phẩm được xác định là sơ chế hoặc đã qua chế biến cho mục đích GTGT không đồng nghĩa với việc toàn bộ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp được xác định tương ứng là hoạt động sơ chế hoặc chế biến cho mục đích TNDN. Việc xác định hoạt động chế biến thủy sản cần được xem xét trên cơ sở bản chất quy trình sản xuất, ngành nghề kinh tế theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và các điều kiện ưu đãi thuế TNDN theo quy định pháp luật.
- Ban hành phụ lục hướng dẫn theo quy trình sản xuất thực tế: nguyên liệu → làm sạch/bỏ đầu/lấy ruột → bóc vỏ/fillet/cắt → cấp đông/mạ băng → đóng gói; với mỗi tình huống nêu đồng thời cách xác định theo ngành kinh tế, GTGT và TNDN.
- Cho phép doanh nghiệp chứng minh bản chất hoạt động bằng quy trình công nghệ, định mức, nhiệt độ, thành phần, nhãn, tiêu chuẩn sản phẩm và hồ sơ sản xuất; không chỉ căn cứ tên thương mại hoặc một công đoạn đơn lẻ.

3. Cơ sở đề xuất:

Quyết định 36/2025/QĐ-TTg cho thấy phạm vi ngành chế biến, bảo quản thủy sản rộng hơn cách hiểu thuần túy “phải làm chín hoặc tạo ra món ăn mới”. Do đó, cần tránh đồng nhất khái niệm phân ngành kinh tế với khái niệm “sơ chế thông thường/chế biến thành sản phẩm khác” của pháp luật GTGT. Tách đúng hai tầng pháp lý sẽ vừa bảo đảm thu đúng, vừa tránh tình trạng cùng một hoạt động bị kết luận trái ngược giữa các sắc thuế.

IV. THUẾ TNDN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN, GIA CÔNG VÀ PHỤ PHẨM THỦY SẢN

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Doanh nghiệp phản ánh hoạt động nhận nguyên liệu của bên đặt gia công, trực tiếp thực hiện fillet, cắt, cấp đông và giao lại thành phẩm có thời kỳ được xác định là chế biến thủy sản, nhưng kỳ kiểm tra khác lại bị đánh giá khác do doanh nghiệp không sở hữu nguyên liệu.

Tương tự, bột cá, mỡ cá và sản phẩm từ phụ phẩm thủy sản có nơi được xếp vào nhóm **1020**, nơi khác xếp nhóm **1080** theo công dụng làm thức ăn.

Quyết định 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xác định **ngành 1020** bao gồm “sản xuất các thức ăn cho người hoặc súc vật từ cá” và “sản xuất các thức ăn từ cá và các động vật sống dưới nước khác không dùng cho người”; đồng thời phân loại trừ nêu “sản xuất dầu mỡ từ nguyên liệu thủy sản” được phân vào nhóm **10401** và “sản xuất súp cá” vào nhóm **10790**. Nội dung này cho thấy việc phân loại phải dựa vào bản chất sản phẩm/quy trình cụ thể, không thể chỉ dựa vào tên gọi chung “phụ phẩm” hoặc đối tượng mua hàng.

2. Đề xuất kiến nghị:

Hiệp hội xin kiến nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét:

- Có bản hướng dẫn tiêu chí xác định hoạt động nhận gia công thủy sản theo công đoạn thực tế và mức độ tạo ra sản phẩm; việc không sở hữu nguyên liệu không phải là căn cứ duy nhất để loại khỏi hoạt động chế biến.
- Đối với bột cá, mỡ cá và sản phẩm phụ phẩm: đề nghị Cục Thuế xem xét có hướng dẫn rõ ranh giới giữa nhóm **1020**, **10401**, **1080** và các nhóm liên quan theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg; đồng thời nêu rõ hệ quả thuế không được suy ra chỉ từ mã ngành nếu pháp luật thuế còn có điều kiện riêng.
- Đối với điều kiện ưu đãi thuế TNDN liên quan đến tỷ lệ giá trị nguyên liệu nông, thủy sản trong chi phí sản xuất: đề nghị hướng dẫn phương pháp xác định phù hợp với đặc thù chế biến thủy sản, trong đó một nguyên liệu và một quy trình sản xuất có thể đồng thời tạo ra sản phẩm chính và phụ phẩm; tránh yêu cầu DN phải xác định riêng tỷ lệ này cho từng loại sản phẩm khi không thể tách biệt hợp lý chi phí nguyên liệu.
- Rà soát, hướng dẫn thống nhất việc áp dụng ưu đãi TNDN đối với dự án chế biến thủy sản tại khu công nghiệp/địa bàn ưu đãi đầu tư; trường hợp pháp luật thuế TNDN và pháp luật đầu tư còn có điểm chưa đồng bộ, đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bảo đảm DN có thể xác định trước chính sách ưu đãi.

3. Cơ sở đề xuất:

Phân loại ngành kinh tế là căn cứ nhận diện hoạt động nhưng ưu đãi thuế phải căn cứ đồng thời bản chất hoạt động, điều kiện luật thuế và hồ sơ thực tế. Cách tiếp cận này hạn chế tình trạng cùng quy trình nhưng khác mã ngành hoặc khác đoàn kiểm tra dẫn đến khác nghĩa vụ thuế.

V. TỶ GIÁ TRÊN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, DỮ LIỆU XUẤT KHẨU VÀ LIÊN THÔNG THUẾ - HẢI QUAN

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Hiệp hội VASEP đánh giá cao Cục Thuế có công văn số **6810/CT-QLNT** ngày 14/9/2026 đã hướng dẫn nguyên tắc xác định tỷ giá trên hóa đơn.

Theo đó, đối với nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo pháp luật về ngoại hối, người bán được thể hiện trên hóa đơn đồng tiền ngoại tệ và tỷ giá ngoại tệ với Đồng Việt Nam theo quy định về hóa đơn; căn cứ Luật Quản lý thuế và pháp luật kế toán, tỷ giá thể hiện trên hóa đơn là tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo pháp luật về kế toán. Đối với các khoản khai thuế, khoản thu khác bằng ngoại tệ thuộc trường hợp quy định tại

Điều 14 Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì tỷ giá quy đổi thực hiện theo chính Nghị định này. Như vậy, vướng mắc về nguyên tắc tỷ giá đã được Cục Thuế tháo gỡ đáng kể; ***vấn đề còn lại*** là thực hiện thống nhất các địa phương và xử lý mối quan hệ dữ liệu giữa hóa đơn điện tử, tờ khai hải quan và sổ kế toán.

2. Đề xuất kiến nghị:

Hiệp hội xin kiến nghị Bộ Tài chính và các Cục (Thuế, Hải quan) xem xét:

- Chỉ đạo cơ quan Thuế các tỉnh, thành phố thực hiện thống nhất công văn số 6810/CT-QLNT; không yêu cầu doanh nghiệp sử dụng một tỷ giá duy nhất cho mọi chứng từ nếu pháp luật về hóa đơn, kế toán, thuế và hải quan quy định mục đích/thời điểm xác định khác nhau.
- Trường hợp doanh nghiệp đã xác định tỷ giá giao dịch thực tế theo đúng pháp luật kế toán và thể hiện trên hóa đơn theo hướng dẫn tại Công văn 6810/CT-QLNT, chênh lệch quy đổi VND với dữ liệu trên tờ khai hải quan không nên tự thân bị coi là sai hóa đơn, sai doanh thu hoặc căn cứ bác hoàn thuế; cơ quan quản lý cần đối chiếu bản chất giao dịch và chứng từ gốc.
- Xây dựng hướng dẫn đối chiếu dữ liệu thống nhất giữa hóa đơn điện tử - tờ khai hải quan - sổ kế toán, xác định rõ trường dữ liệu nào phải trùng khớp và trường nào được phép khác do quy định pháp lý khác nhau.
- Đẩy mạnh liên thông dữ liệu Thuế - Hải quan, để hóa đơn xuất khẩu kế thừa tối đa dữ liệu đã có trên tờ khai; hạn chế doanh nghiệp nhập lại cùng một thông tin và giảm cảnh báo sai lệch kỹ thuật.

3. Cơ sở đề xuất:

Công văn 6810/CT-QLNT đã xác lập căn cứ xử lý tỷ giá theo từng chế độ pháp lý. Do đó, cần có hướng dẫn tổ chức thực hiện thống nhất và thiết lập nguyên tắc đối chiếu dữ liệu giữa Thuế - Hải quan - kế toán, tránh biến chênh lệch kỹ thuật do các chế độ khác nhau thành rủi ro thuế, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

VI. HÀNG XUẤT KHẨU BỊ TRẢ VỀ, TẠM NHẬP SỬA CHỮA/TÁI CHẾ RỒI TÁI XUẤT

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Hiện nay, doanh nghiệp phải thực hiện nộp thuế GTGT khi tái nhập hàng xuất khẩu bị trả về để sửa chữa/tái chế rồi tái xuất, sau đó làm thủ tục hoàn. Cách xử lý mã loại hình, hồ sơ và điều chỉnh doanh thu/số thuế đã hoàn cũng chưa hoàn toàn thống nhất.

2. Đề xuất, kiến nghị:

- Thống nhất giữa Cục Thuế và Cục Hải quan: hàng xuất khẩu bị trả về, tái nhập chỉ để sửa chữa/tái chế rồi ***tái xuất***, nếu đáp ứng điều kiện của pháp luật hải quan, thương mại và quản lý ngoại thương, đề nghị được xử lý theo diện không chịu thuế GTGT; không áp dụng cơ chế “nộp trước - hoàn sau”.
- Hướng dẫn thống nhất bộ hồ sơ, mã loại hình và cách xử lý trường hợp ***tái xuất*** cho khách hàng ban đầu hoặc tái xuất sang nước/chủ thể thứ ba theo chỉ định hợp pháp, tránh cách hiểu khác nhau giữa các Chi cục Hải quan.

- Hướng dẫn thống nhất cách điều chỉnh doanh thu xuất khẩu, thuế GTGT đầu vào đã được hoàn và nghĩa vụ thuế liên quan đối với hàng xuất khẩu bị trả lại, tái nhập để sửa chữa/tái chế và sau đó tái xuất.

VII. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN) ĐỐI VỚI KHOẢN CHI TRẢ SAU KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Trường hợp người lao động làm việc theo HĐLĐ trên 3 tháng, chấm dứt hợp đồng vào cuối tháng nhưng tiền lương tháng cuối được trả theo kỳ lương vào tháng kế tiếp có thể bị yêu cầu khấu trừ 10% nếu chỉ căn cứ tình trạng HĐLĐ tại thời điểm chi trả, dù khoản thu nhập thực tế phát sinh trong thời gian HĐLĐ còn hiệu lực. Với ngành chế biến thủy sản thâm dụng lao động, cách áp dụng này dễ phát sinh khiếu nại và làm giảm thu nhập thực nhận của người lao động.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Hiệp hội xin kiến nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét:

- Có hướng dẫn về tiền lương phát sinh trong thời gian HĐLĐ trên 3 tháng còn hiệu lực, dù được chi trả sau ngày chấm dứt HĐLĐ theo kỳ lương đã thỏa thuận, được khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần; không áp dụng mức 10% chỉ vì thời điểm trả tiền sau ngày nghỉ việc.
- Phân biệt rõ tiền lương theo HĐLĐ, khoản chi trả sau khi kết thúc HĐLĐ, lao động thời vụ và các khoản trợ cấp/thu nhập khác; ban hành ví dụ cụ thể để doanh nghiệp áp dụng thống nhất.
- Có cơ chế chuyển tiếp đối với các khoản chi trong giai đoạn quy định mới bắt đầu áp dụng; cho phép điều chỉnh thiện chí, không xử phạt khi không có hành vi che giấu thu nhập.

VIII. THỐNG NHẤT THỰC THI, KẾ THỪA KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ CƠ CHẾ CHUYỂN TIẾP

1. Nội dung bất cập, vướng mắc:

Nhiều vướng mắc thuế của doanh nghiệp không xuất phát từ thiếu quy định mà từ cách hiểu khác nhau giữa các địa phương, giữa các thời kỳ hoặc giữa các cơ quan. Có trường hợp hồ sơ/kỳ thuế đã được kiểm tra vẫn phải giải trình lại; văn bản trả lời trước đây chưa được kế thừa; hướng dẫn mới ban hành nhưng chưa xác định rõ cách xử lý giao dịch đã phát sinh.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Hiệp hội VASEP xin kiến nghị Bộ Tài chính xem xét:

- Thiết lập cơ chế kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra; không kiểm tra lặp lại cùng nội dung, thời kỳ và hồ sơ nếu không có chứng cứ mới.
- Mọi hướng dẫn thay đổi cách hiểu phải nêu rõ thời điểm áp dụng và nguyên tắc chuyển tiếp; bảo vệ doanh nghiệp đã thực hiện đúng theo văn bản/hướng dẫn có căn cứ tại thời điểm giao dịch.

- Đối với các vấn đề liên quan đồng thời **Thuế – Hải quan – chuyên ngành thủy sản**, ban hành kết luận/hướng dẫn liên ngành để doanh nghiệp không phải thực hiện theo các cách hiểu khác nhau.
- Xây dựng bộ tình huống chuẩn áp dụng toàn quốc đối với các vấn đề có tần suất cao của ngành thủy sản: hoàn GTGT; sơ chế/chế biến; gia công; phụ phẩm; tỷ giá/hóa đơn XK; hàng trả về; chênh lệch khối lượng.

Hiệp hội VASEP trân trọng báo cáo và kính đề nghị Bộ Tài chính cùng các Cục (Thuế, Hải quan) xem xét các nội dung nêu trên, có hướng dẫn thống nhất để doanh nghiệp ngành thủy sản có cơ sở thực hiện tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NNMT;
- VCCI;
- Chủ tịch HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ



Nguyễn Hoài Nam